

Số: /SYT-TCCB
V/v hướng dẫn tổ chức thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2022

Quảng Ngãi, ngày tháng 11 năm 2022

Kính gửi:

- Các Phòng chức năng và Thanh tra Sở Y tế;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Các Ban Quản lý trực thuộc Sở Y tế.

Theo tinh thần Công văn số 990/TTT-NV3 ngày 02/11/2022 của Thanh tra tỉnh Quảng Ngãi về việc hướng dẫn tổ chức thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2022; Sở Y tế hướng dẫn tổ chức thực hiện kê khai tài sản, thu nhập (sau đây viết tắt là KKTSTN) năm 2022 trong ngành Y tế, cụ thể như sau:

I. VĂN BẢN HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC THỰC HIỆN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2022

1. Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20/11/2018.
2. Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.
3. Công văn số 518/TTT-NV4 ngày 30/7/2022 của Thanh tra tỉnh Quảng Ngãi về việc phúc đáp nội dung kê khai tài sản thu nhập (đính kèm); Công văn số 990/TTT-NV3 ngày 02/11/2022 của Thanh tra tỉnh Quảng Ngãi về việc hướng dẫn tổ chức thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2022 (đính kèm); Công văn này và các văn bản pháp luật có liên quan.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VIỆC KKTSTN NĂM 2022

1. Đối với Trưởng các Phòng chức năng thuộc Sở, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở và tương đương (quản lý, sử dụng trực tiếp người có nghĩa vụ kê khai):

- Xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai công tác KKTSTN tại cơ quan, đơn vị (bao gồm các nội dung chính như: Thời gian kê khai, biểu mẫu kê khai, thời gian và địa điểm nộp bản kê khai, các mốc thời gian cụ thể,...) để làm cơ sở thực hiện, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra.

- Tổ chức phổ biến, hướng dẫn, gửi mẫu kê khai cho người có nghĩa vụ kê khai thực hiện việc KKTSTN; rà soát, kiểm tra việc thực hiện biểu mẫu và nội dung kê khai; tiếp nhận, lập sổ theo dõi kê khai, giao, nhận bản KKTSTN và quản lý, lưu giữ bản kê khai theo quy định; bàn giao bản KKTSTN về Sở Y tế (qua Phòng Tổ chức - Cán bộ) để lưu và để Sở Y tế bàn giao cho Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Thanh tra tỉnh (cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập) theo quy định.

- Rà soát, lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập (**bao gồm 04 đối tượng: KKTSTN lần đầu, KKTSTN hàng năm, KKTSTN bổ sung, KKTSTN phục vụ công tác tổ chức cán bộ**) trong năm 2022 (theo Mẫu 01, 02, 03, 04 đính kèm) và gửi về Sở Y tế (qua Phòng Tổ chức - Cán bộ), đồng gửi qua địa chỉ email: phamngochuysyt@gmail.com **trước ngày 17/11/2022** để tổng hợp, tham mưu, phê duyệt theo quy định.

- Sau khi Sở Y tế ban hành quyết định phê duyệt người có nghĩa vụ kê khai năm 2022, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức có nghĩa vụ kê khai năm 2022 tại cơ quan, đơn vị thực hiện kê khai tài sản, thu nhập theo quy định.

*** Lưu ý:**

- Người có nghĩa vụ kê khai trong danh sách gửi về Sở Y tế cần phải xác định đối tượng thuộc diện quản lý, cụ thể: Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Y tế; Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh); UBND tỉnh quản lý (gồm: Phó Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh; Giám đốc, Phó Giám đốc Bệnh viện Sản - Nhi; Chi cục trưởng 02 Chi cục trực thuộc); Giám đốc Sở Y tế quản lý (gồm: Phó Chi cục trưởng của 02 Chi cục; Giám đốc, Phó Giám đốc và tương đương các đơn vị trực thuộc còn lại; công chức công tác tại cơ quan Sở Y tế); Thủ trưởng đơn vị quản lý là các công chức, viên chức còn lại của cơ quan, đơn vị theo quy định phân cấp. Đồng thời, phân định rõ đối tượng kiểm soát thuộc cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập nào (Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy là cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập đối với các trường hợp thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; Thanh tra tỉnh là cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập đối với các trường hợp còn lại).

- Các đơn vị lập danh sách trên bảng Excel, không được viết tắt, tự ý cắt bỏ cột của Mẫu.

2. Đối với người có nghĩa vụ KKTSTN:

Người có nghĩa vụ KKTSTN thực hiện KKTSTN đúng biểu mẫu, nội dung kê khai theo Phụ lục và hướng dẫn tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP, cụ thể:

- Người KKTSTN lần đầu, hàng năm và phục vụ công tác cán bộ kê khai theo Mẫu bản KKTSTN tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

- Người KKTSTN bổ sung kê khai theo Mẫu bản KKTSTN tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

*** Một số nội dung cần lưu ý khi kê khai tài sản, thu nhập:**

- Sau khi kê khai xong bản KKTSTN, cá nhân người kê khai phải ký ở từng trang và ký, ghi rõ họ tên ở trang cuối cùng của bản kê khai và bàn giao cho cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp mình (qua bộ phận Tổ chức - Cán bộ) theo quy định.

- Tài sản phải kê khai là tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của cá nhân người kê khai, của vợ hoặc chồng và con đẻ chưa thành niên theo quy định của pháp luật. Việc kê khai cần trung thực, đầy đủ các tài sản hiện có, giải trình rõ ràng các biến động theo quy định.

- Giá trị của thửa đất hay nhà ở được kê khai trong bản kê khai là giá trị gốc tính bằng tiền Việt Nam, cụ thể: Trường hợp tài sản có được do mua, chuyển nhượng thì ghi số tiền thực tế phải trả khi mua hoặc nhận chuyển nhượng cộng với các khoản thuế, phí khác (*nếu có*); trường hợp tài sản có được do xây dựng, chế tạo, tôn tạo thì ghi tổng chi phí đã chi trả để hoàn thành việc xây dựng, tôn tạo cộng với phí, lệ phí (*nếu có*) tại thời điểm hình thành tài sản; Trường hợp được tặng, cho, thừa kế thì ghi theo giá trị thị trường tại thời điểm được cho, tặng, thừa kế cộng với các khoản thuế, phí (*nếu có*) và ghi giá trị ước tính. Trường hợp không thể ước tính giá trị tài sản vì các lý do như tài sản sử dụng quá lâu hoặc không có giao dịch đối với tài sản tương tự thì ghi “Không xác định được giá trị” và ghi rõ lý do.

- Trường hợp người kê khai có phát sinh góp vốn đầu tư kinh doanh (trực tiếp hay gián tiếp) thì ghi từng hình thức góp vốn đầu tư tại điểm 6.3 phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 130/2020/NĐ-CP.

- Đối với xe mô tô, xe gắn máy mà tổng giá trị mỗi loại tài sản từ 50 triệu đồng trở lên thì phải thực hiện kê khai vào điểm 7.1 phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 130/2020/NĐ-CP (*ví dụ cộng giá trị các xe mô tô do vợ hoặc chồng đứng tên trên 50 triệu thì kê khai...*).

- Đối với Tổng các khoản thu nhập chung (*tại điểm 10 phần II*) là các khoản thu nhập không thể tách riêng của vợ hoặc chồng người kê khai, không cộng gộp tổng thu nhập của người kê khai và tổng thu nhập của vợ (*hoặc chồng*).

- Người KKTSTN lần đầu không phải kê khai điểm 10 phần II và phần III của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 130/2020/NĐ-CP.

- Người KKTSTN hằng năm, kê khai phục vụ công tác cán bộ phải thực hiện kê khai điểm 10 phần II và phần III của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 130/2020/NĐ-CP.

III. VỀ ĐỐI TƯỢNG KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2022 VÀ THỜI GIAN HOÀN THÀNH KÊ KHAI

Năm 2022, có 04 nhóm đối tượng có nghĩa vụ KKTSTN, cụ thể gồm có:

1. Đối với KKTSTN lần đầu:

Người KKTSTN lần đầu là các đối tượng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 36 Luật PCTN năm 2018.

Như vậy, người có nghĩa vụ KKTSTN lần đầu năm 2022 là người lần đầu giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 của Luật PCTN năm 2018, cụ thể:

Dẫn chiếu:

“Điều 34. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập

1. Cán bộ, công chức.

2. Sĩ quan Công an nhân dân; sĩ quan Quân đội nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp.

3. Người giữ chức vụ từ **Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập**, doanh nghiệp nhà nước, người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Thời gian hoàn thành việc khai: chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bố trí vào vị trí công tác.

2. Đối với KKTSTN hằng năm:

Người KKTSTN hằng năm là những người đang giữ các chức vụ, ngạch, chức danh công tác theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Điều 10 Nghị định 130/2020/NĐ-CP, cụ thể như sau:

Dẫn chiếu:

“Điều 36. Phương thức và thời điểm kê khai tài sản, thu nhập

3. Kê khai hằng năm được thực hiện đối với những trường hợp sau đây:

a) Người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12.

“Điều 10. Người có nghĩa vụ kê khai hằng năm

Người có nghĩa vụ kê khai theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng bao gồm:

1. Các ngạch công chức và chức danh sau đây:

a) Chấp hành viên;

b) Điều tra viên;

c) Kế toán viên;

d) Kiểm lâm viên;

đ) Kiểm sát viên;

e) Kiểm soát viên ngân hàng;

g) Kiểm soát viên thị trường;

h) Kiểm toán viên;

i) Kiểm tra viên của Đảng;

k) Kiểm tra viên hải quan;

l) Kiểm tra viên thuế;

m) Thanh tra viên;

n) *Thẩm phán.*

2. *Những người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác trong một số lĩnh vực được xác định trong danh mục tại Phụ lục III được ban hành kèm theo Nghị định này.*

Thời gian hoàn thành việc khai: trước ngày 31/12/2022.

*** Một số lưu ý khi xác định đối tượng kê khai hằng năm⁽¹⁾:**

“- Có một số cơ quan, đơn vị còn thắc mắc đối với định nghĩa “Những người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ Phó trưởng phòng và tương đương” theo khoản 2 Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP được hiểu như thế nào? Có phải là những chức danh lãnh đạo, quản lý có hệ số phụ cấp chức vụ bằng hệ số phụ cấp chức vụ của Phó trưởng phòng trong cùng cơ quan, đơn vị, ngành hay không?

- Hiện nay, chưa có quy định cụ thể nào về tiêu chí để xác định, so sánh chức danh Phó trưởng phòng và tương đương; tuy nhiên, nên thống nhất về cách hiểu đối với chức danh lãnh đạo, quản lý tương đương Phó trưởng phòng phải theo vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được hưởng phụ cấp lãnh đạo, quản lý (phụ cấp chức vụ). Tuy hệ số phụ cấp chức vụ không ngang nhau nhưng đều giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong đơn vị đó.

- Kế toán viên nhưng không phải công chức và không giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng trở lên thì không thuộc đối tượng kê khai hằng năm.

3. Đối với KKTSTN bổ sung:

Người KKTSTN bổ sung được thực hiện khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm 2022 có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên và không thuộc đối tượng KKTSTN hằng năm theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật PCTN.

Dẫn chiếu:

“Điều 36. Phương thức và thời điểm kê khai tài sản, thu nhập

2. Kê khai bổ sung được thực hiện khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 của năm có biến động về tài sản, thu nhập, trừ trường hợp đã kê khai theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Thời gian hoàn thành việc khai khai: trước ngày 31/12/2022.

4. Đối với KKTSTN phục vụ công tác cán bộ:

Người KKTSTN phục vụ công tác cán bộ là đối tượng được quy định tại khoản 4 Điều 36 Luật PCTN.

Dẫn chiếu:

“Điều 36. Phương thức và thời điểm kê khai tài sản, thu nhập

⁽¹⁾ Theo hướng dẫn của Thanh tra tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 939/TTT-NV4 ngày 25/11/2022.

4. *Kê khai phục vụ công tác cán bộ được thực hiện đối với những trường hợp sau đây:*

a) *Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 của Luật này khi dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác. Việc kê khai phải hoàn thành chậm nhất là 10 ngày trước ngày dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác;*

b) *Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại khoản 4 Điều 34 của Luật này. Thời điểm kê khai được thực hiện theo quy định của pháp luật về bầu cử.*

Thời gian hoàn thành: chậm nhất là 10 ngày trước ngày dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác.

IV. KIỂM TRA, TIẾP NHẬN, QUẢN LÝ; BÀN GIAO BẢN KKTSTN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kiểm tra, tiếp nhận, quản lý:

- Các đơn vị trực thuộc Sở thực hiện việc kiểm tra, rà soát lại các bản KKTSTN của người kê khai đã nộp, đảm bảo bản KKTSTN phải đúng biểu mẫu, đầy đủ nội dung, thông tin theo yêu cầu của việc kê khai theo quy định; sau đó ký và ghi rõ họ tên, ngày tháng năm nhận bản kê khai theo quy định. Trường hợp phát hiện việc kê khai không đúng, không đầy đủ nội dung, thông tin theo yêu cầu của việc kê khai thì nhanh chóng hướng dẫn người kê khai thực hiện kê khai lại, hoàn chỉnh trước khi thực hiện việc bàn giao trực tiếp bản KKTSTN về Sở Y tế (qua Phòng Tổ chức - Cán bộ) để Sở Y tế bàn giao cho cơ quan Thanh tra tỉnh, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy theo quy định.

- Thực hiện công khai và quản lý bản kê khai tài sản, thu nhập tại cơ quan, đơn vị theo đúng quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

Thời điểm hoàn thành việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2022: Tất cả nội dung trên phải hoàn thành trước ngày 31/12/2022.

2. Bàn giao bản KKTSTN năm 2022:

2.1. Số lượng, thời gian bàn giao bản KKTSTN về Sở Y tế:

* Số lượng bản KKTSTN bàn giao về Sở Y tế (qua Phòng Tổ chức - Cán bộ):

- Đối với người có nghĩa vụ KKTSTN năm 2022 thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Gửi 04 bản kê khai (bản chính, có đóng dấu treo và giáp lai của cơ quan, đơn vị)².

- Đối với người có nghĩa vụ KKTSTN năm 2022 thuộc diện UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế quản lý: Gửi 03 bản kê khai (bản chính, có đóng dấu treo và giáp lai của cơ quan, đơn vị)³.

² 01 bản gửi Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy (diện BTV); 01 bản gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy (diện BTV); 01 bản lưu hồ sơ cán bộ công chức; 01 bản lưu hồ sơ kê khai tài sản, thu nhập năm 2022.

- Đối với người có nghĩa vụ KKTSTN năm 2022 thuộc diện quản lý của Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Y tế: Gửi 02 bản kê khai (*bản chính, có đóng dấu treo và giáp lai của cơ quan, đơn vị*)⁴.

* Thời gian nộp, bàn giao bản KKTSTN về Sở Y tế (*qua Phòng Tổ chức - Cán bộ*):

- Người có nghĩa vụ KKTSTN năm 2022 đang công tác tại Sở Y tế: **Nộp trước ngày 20/12/2022.**

- Các đơn vị trực thuộc Sở bàn giao bản KKTSTN: **Chậm nhất vào ngày 05/01/2023.**

2.2. Cách thức bàn giao bản KKTSTN năm 2022:

- Các cơ quan, đơn vị bàn giao trực tiếp về Sở Y tế (*gửi đồng chí Phạm Ngọc Huy, chuyên viên Phòng Tổ chức - Cán bộ*).

- **Lưu ý:** Khi bàn giao bản KKTSTN về Sở Y tế, đơn vị phải gửi kèm danh sách bàn giao bản KKTSTN để thực hiện việc ký, nhận bản KKTSTN theo quy định (*danh sách giao, nhận bản KKTSTN năm 2022 của cơ quan, đơn vị phải được lập và sắp xếp đúng theo thứ tự danh sách tại Quyết định phê duyệt người có nghĩa vụ KKTSTN năm 2022 của Sở Y tế*); Bản KKTSTN phải được sắp xếp theo thứ tự của danh sách giao, nhận bản KKTSTN của cơ quan, đơn vị, để thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu.

3. Báo cáo kết quả kê khai tài sản, năm thu nhập 2022:

Các cơ quan, đơn vị báo cáo kết quả kê khai tài sản, thu nhập năm 2022 của cơ quan, đơn vị (*theo Đề cương báo cáo đính kèm*) gửi về Sở Y tế (*qua Phòng Tổ chức - Cán bộ*), đồng gửi qua địa chỉ email: phamngochuysyt@gmail.com **trước ngày 01/02/2023.**

Trên đây là hướng dẫn kê khai tài sản, thu nhập năm 2022 trong ngành Y tế; trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Y tế (*qua Phòng Tổ chức - Cán bộ*) để tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Sở, cấp có thẩm quyền xem xét./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Thanh tra tỉnh (báo cáo);
- Đảng ủy Sở Y tế (báo cáo);
- GD, các PGD Sở Y tế;
- Thanh tra và các Phòng chức năng thuộc Sở Y tế;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Trang Thông tin điện tử Sở Y tế;
- Lưu: VT, TCCB (*pnhuy, 02 bản*).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Minh Đức

³ 01 bản gửi Thanh tra tỉnh; 01 bản lưu hồ sơ cán bộ công chức; 01 bản lưu hồ sơ kê khai tài sản, thu nhập năm 2022.

⁴ 01 bản gửi Thanh tra tỉnh; 01 bản lưu hồ sơ kê khai tài sản, thu nhập năm 2022.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-.....

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Kết quả triển khai thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập năm ...

1. Việc chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập

1.1. Công tác truyền thông, quán triệt các quy định về kiểm soát TSTN

1.2. Các văn bản chỉ đạo, đôn đốc, triển khai thực hiện đã ban hành.

2. Kết quả thực hiện

2.1. Công tác xây dựng, ban hành kế hoạch; rà soát, lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập; tổ chức thực hiện kê khai; kiểm tra, tiếp nhận, quản lý; công khai, bàn giao bản KKTSTN;...

Thống kê cụ thể kết quả triển khai thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập năm ... của đơn vị (*theo Phụ lục đính kèm*).

2.2. Việc xử lý vi phạm các quy định về kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản (nếu có).

2.3. Kết quả khác (nếu có).

3. Đánh giá chung và kiến nghị

- Thuận lợi, khó khăn, vướng mắc khi triển khai thực hiện; giải pháp đề chủ động hoặc đề xuất giải pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc.

- Những nội dung quy định cần hướng dẫn cụ thể hơn.

- Các kiến nghị khác./.

Nơi nhận:

...

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị

Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu

PHỤ LỤC:
Kết quả triển khai thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập năm ...
của đơn vị
(Kèm theo Đề cương báo cáo kết quả triển khai thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập năm ...)

| TT | NỘI DUNG | Đơn vị tính | Số liệu |
|-----------|---|-------------|---------|
| I | Kê khai tài sản, thu nhập | | |
| 1 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tổ chức thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập | CQTCĐV | |
| | Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị | % | |
| 2 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện hoặc chưa được tổng hợp kết quả trong báo cáo này | CQTCĐV | |
| | Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị | % | |
| 3 | Số người phải kê khai tài sản, thu nhập lần đầu | Người | |
| | Số người đã kê khai tài sản, thu nhập lần đầu | Người | |
| 4 | Số người phải kê khai tài sản, thu nhập hằng năm | Người | |
| | Số người đã kê khai tài sản, thu nhập hằng năm | Người | |
| 5 | Số người phải kê khai tài sản, thu nhập bổ sung | Người | |
| | Số người đã kê khai tài sản, thu nhập bổ sung | Người | |
| 6 | Số người phải kê khai tài sản, thu nhập phục vụ công tác cán bộ | Người | |
| | Số người đã kê khai tài sản, thu nhập phục vụ công tác cán bộ | Người | |
| II | Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập | | |
| 1 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tổ chức thực hiện việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập | CQTCĐV | |
| | Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị | % | |
| 2 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện hoặc chưa được tổng hợp kết quả trong báo cáo này | CQTCĐV | |

| | | | |
|------------|--|--------|--|
| | Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị | % | |
| 3 | Số bản kê khai đã được công khai | Bản KK | |
| | tỷ lệ% so với tổng số bản kê khai | % | |
| 4 | Số bản kê khai đã công khai theo hình thức niêm yết | Bản KK | |
| | tỷ lệ% so với số bản kê khai đã công khai | % | |
| 5 | Số bản kê khai đã công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp | Bản KK | |
| | tỷ lệ% so với số bản kê khai đã công khai | % | |
| III | Kết quả thực hiện giải trình, kiểm tra, xác minh tài sản | | |
| 1 | Số người đã được kiểm tra, xác minh | Người | |
| 2 | Số người được yêu cầu giải trình | Người | |
| 3 | Số người đã có kết luận về minh bạch tài sản, thu nhập | Người | |
| 4 | Số người đã có kết luận về kê khai tài sản, thu nhập không trung thực | Người | |
| IV | Xử lý vi phạm | | |
| 1 | Số tổ chức vi phạm quy định về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản đã bị xử lý | Đơn vị | |
| 2 | Kết quả xử lý tổ chức | | |
| 3 | Số cá nhân vi phạm quy định về kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản đã bị xử lý | Người | |
| 4 | Kết quả xử lý cá nhân | Người | |